

ĐIỂM KSCL ĐẦU NĂM, NĂM HỌC 2009 - 2010

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A1										
STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	TOÁN	LÝ	HÓA	SINH	VĂN	A. VĂN
1	710010	Lê Tuấn	Anh	12A1	8.50	7.3	9.0	7.5	4.5	5.0
2	710008	Lê Vũ Thiên	Anh	12A1	8.00	8.0	5.3	7.3	6.0	8.0
3	710003	Nguyễn Thị Kim	Anh	12A1	8.50	7.8	8.5	8.5	4.5	7.6
4	710005	Nguyễn Thị Linh	Anh	12A1	6.50	6.8	5.3	5.3	7.0	6.6
5	710002	Phan Hùng Đức	Anh	12A1	8.00	7.3	6.5	6.5	6.0	6.4
6	710015	Lê Danh	Bạch	12A1	9.50	6.0	7.0	7.0	4.0	4.8
7	710021	Phan Minh	Châu	12A1	8.00	4.0	3.8	6.0	5.0	3.0
8	710025	Nguyễn Thị Ngọc	Chi	12A1	9.50	9.8	9.5	9.8	8.5	8.8
9	710039	Nguyễn Thị Thùy	Dung	12A1	8.50	vắng	8.0	8.3	vắng	6.2
10	710042	Nguyễn Quang	Dũng	12A1	6.50	9.5	7.3	7.5	5.0	6.6
11	710052	Lưu Nguyễn Hữu	Đức	12A1	7.00	7.3	8.5	8.5	5.0	8.0
12	710053	Phạm Thị Hương	Giang	12A1	8.50	8.3	7.0	8.8	7.0	7.2
13	710068	Phạm Ngọc	Hân	12A1	7.50	6.5	4.0	7.8	6.0	6.8
14	710074	Hồ Công	Hiếu	12A1	6.00	3.5	5.0	6.5	4.0	5.2
15	710079	Nguyễn Thị	Hoài	12A1	9.50	6.5	7.3	6.3	6.0	4.6
16	710089	Nguyễn Khánh	Huyền	12A1	6.50	5.5	7.0	8.0	6.5	4.2
17	710093	Lê Anh	Khoa	12A1	8.50	8.5	7.0	8.8	6.0	6.4
18	710096	Trần Nguyễn Lâm	Khương	12A1	8.50	6.0	6.8	6.8	5.5	6.4
19	710109	Ngô Hà Ý	Linh	12A1	8.00	4.5	6.0	7.5	7.0	6.6
20	710103	Nguyễn Thị Diệu	Linh	12A1	8.00	5.8	6.5	6.8	4.5	6.0
21	710114	Nguyễn Thành	Long	12A1	6.50	4.5	6.3	6.8	6.5	7.0
22	710118	Bùi Sao	Mai	12A1	5.50	6.8	6.5	9.0	6.5	6.8
23	710121	Đặng Thị Xuân	Mai	12A1	7.00	4.3	6.3	8.0	5.0	5.4
24	710120	Lê Thùy	Mai	12A1	8.00	7.3	7.5	8.3	5.5	5.0
25	710132	Phan Long Trà	My	12A1	7.00	5.3	5.0	8.3	5.5	4.6
26	710143	Lâm Thị Bích	Ngọc	12A1	8.50	7.3	7.3	9.3	6.5	5.4
27	710148	Lê Bình	Nguyên	12A1	9.50	7.5	7.5	8.3	7.0	7.4
28	710180	Lê Hồng	Quân	12A1	6.50	3.8	8.3	6.8	5.5	6.2
29	710187	Nguyễn Xuân	Quỳnh	12A1	8.00	7.8	6.0	8.3	7.0	4.6
30	710201	Lê Huy	Thái	12A1	9.50	9.8	9.3	8.0	7.0	7.6
31	710214	Dương Thị Thu	Thảo	12A1	8.00	7.3	7.0	7.5	5.0	6.0
32	710208	Đặng Mậu	Thảo	12A1	8.00	5.8	5.0	7.3	5.5	5.0
33	710209	Lê Thị Phương	Thảo	12A1	8.50	6.5	6.8	7.3	7.0	6.2
34	710215	Trương Thị Thu	Thảo	12A1	8.00	7.5	9.0	8.3	4.0	5.8
35	710221	Đỗ Phương	Thịnh	12A1	8.50	7.0	7.3	5.5	6.0	4.8
36	710241	Đàm Quốc	Tiến	12A1	7.00	8.0	7.3	6.3	4.5	6.2
37	710246	Lê Ngọc	Toàn	12A1	9.00	7.8	7.8	7.8	5.0	5.8
38	710261	Lê Thị Bích	Trâm	12A1	7.50	7.3	6.0	7.8	5.5	6.8
39	710265	Đặng Bảo	Trân	12A1	8.00	7.3	7.0	8.0	6.0	5.8
40	710266	Trần Nguyên	Trí	12A1	8.50	7.5	9.0	8.3	6.5	7.4
41	710274	Cao Văn	Trường	12A1	5.00	5.8	5.0	6.8	6.5	5.6
42	710280	Cái Việt	Tuấn	12A1	9.00	7.8	7.8	9.3	5.0	4.6
43	710281	Nguyễn Bá	Tùng	12A1	9.00	9.3	9.3	9.3	5.0	7.4
44	710291	Nguyễn Anh	Vũ	12A1	7.50	6.0	7.3	7.8	2.5	7.8
45	710298	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	12A1	7.00	7.8	8.3	7.5	6.5	6.6

ĐIỂM KSCL ĐẦU NĂM, NĂM HỌC 2009 - 2010

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A2										
STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	TOÁN	LÝ	HÓA	SINH	VĂN	A. VĂN
1	710033	Nguyễn Mạnh	Cường	12A2	6.25	6.5	6.5	6.3	5.5	2.4
2	710043	Đặng Thái	Dũng	12A2	8.25	7.3	8.3	6.3	5.5	5.2
3	710041	Phạm Đình	Dũng	12A2	8.75	9.0	8.3	8.5	5.0	4.6
4	710047	Lê Nguyễn Hạnh	Duyên	12A2	6.00	7.5	7.5	8.3	5.0	6.6
5	710050	Phạm Thị Thùy	Dương	12A2	7.00	7.3	7.8	7.0	5.5	5.6
6	710057	Huỳnh Thị Thu	Hà	12A2	7.50	8.5	8.3	8.8	7.5	6.4
7	710060	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	12A2	8.50	8.3	8.5	7.8	7.0	8.0
8	710067	Trần Thị Thúy	Hằng	12A2	8.75	8.5	8.8	7.0	8.0	8.4
9	710073	Lê Bá	Hiếu	12A2	6.25	5.3	4.3	6.3	5.0	5.2
10	710082	Lê Xuân	Hoàng	12A2	9.00	8.5	7.8	9.0	8.0	7.8
11	710085	Phạm Thị Thu	Hồng	12A2	7.50	9.3	9.3	9.8	7.5	8.8
12	710087	Phạm Chí Việt	Hùng	12A2	8.25	8.3	7.5	8.3	4.0	6.0
13	710094	Phạm Trần	Khoa	12A2	8.25	5.0	3.8	3.5	7.0	3.2
14	710104	Lương Thị Huệ	Linh	12A2	7.25	7.3	8.8	7.3	8.0	5.0
15	710108	Trịnh Trung	Linh	12A2	8.50	7.8	9.0	9.0	6.0	6.0
16	710113	Phạm Tấn	Long	12A2	7.75	7.3	8.0	6.0	5.0	6.2
17	710117	Đỗ Thị Hồng	Lý	12A2	9.25	7.3	8.8	8.8	7.5	6.6
18	710126	Bùi Thị Diễm	My	12A2	8.00	9.0	9.5	9.3	7.0	7.6
19	710140	Hoàng Đức	Nghi	12A2	8.75	7.5	8.8	8.3	5.0	7.4
20	710141	Nguyễn Xuân	Nghĩa	12A2	6.75	6.5	6.0	7.3	4.5	6.0
21	710142	Trần Bảo	Ngọc	12A2	9.00	9.0	8.8	8.8	6.0	6.8
22	710150	Đặng Hồ Thanh	Nguyên	12A2	9.25	7.8	8.0	9.3	4.5	6.6
23	710154	Trần Ngọc	Nhi	12A2	8.50	7.0	8.0	6.3	6.5	6.2
24	710164	Nguyễn Hồng	Phúc	12A2	9.75	8.0	9.0	9.8	6.0	8.2
25	710168	Mai Hoài	Phương	12A2	8.75	9.3	9.0	7.5	6.5	6.8
26	710172	Trần Thị	Phương	12A2	6.75	6.0	5.0	7.5	6.0	5.6
27	710174	Nguyễn Kim	Phượng	12A2	9.00	8.5	8.5	9.0	7.5	8.0
28	710176	Phạm Thị Nhật	Phượng	12A2	8.50	7.8	7.8	6.8	7.5	6.2
29	710188	Dương Thị Ái	Sâm	12A2	8.25	8.0	8.0	8.8	8.0	6.6
30	710190	Nguyễn Thị Diệu	Sương	12A2	7.00	5.8	6.8	8.0	6.0	4.4
31	710198	Nguyễn Thanh	Tâm	12A2	8.50	8.0	8.8	7.5	7.5	5.2
32	710203	Ksor	Thành	12A2	6.00	7.0	2.5	5.3	7.0	3.0
33	710212	Đặng Thị Thanh	Thảo	12A2	8.00	7.8	7.3	7.0	8.0	6.8
34	710213	Nguyễn Thanh	Thảo	12A2	6.50	4.0	4.3	7.8	6.0	4.2
35	710220	Nguyễn Hữu	Thịnh	12A2	8.25	7.5	8.3	6.5	3.0	7.0
36	710223	Nguyễn Hoài	Thu	12A2	8.25	6.8	7.5	8.0	5.5	6.0
37	710227	Dương Phương	Thùy	12A2	7.75	6.3	4.8	6.8	7.0	7.0
38	710239	Trần Trương Thị Thảo	Tiên	12A2	7.50	4.8	4.0	7.0	6.0	3.0
39	710257	Đình Thu	Trang	12A2	8.00	8.8	8.3	9.0	7.5	10.0
40	710253	Nguyễn Thị Minh	Trang	12A2	8.25	8.3	8.5	8.0	8.0	7.4
41	710254	Trần Thị Minh	Trang	12A2	9.50	7.5	8.8	9.5	8.5	6.2
42	710256	Trần Thiên	Trang	12A2	8.50	4.8	8.0	8.0	8.0	10.0
43	710276	Phạm Đình	Tú	12A2	8.50	7.0	8.0	6.3	5.0	2.8
44	710275	Phạm Thị Cẩm	Tú	12A2	9.00	8.5	8.5	8.3	5.5	6.8
45	710285	Nguyễn Thị Tố	Uyên	12A2	6.25	5.3	4.8	8.0	6.0	6.2
46	710294	Hoàng Như	Vũ	12A2	9.00	9.0	8.8	9.3	7.5	8.2
47	710297	Ngô Minh	Vương	12A2	6.75	6.5	7.8	6.0	4.5	5.8

TỔ GIÁO VỤ

ĐIỂM KSCL ĐẦU NĂM, NĂM HỌC 2009 - 2010

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A3										
STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	TOÁN	LÝ	HÓA	SINH	VĂN	A. VĂN
1	710004	Nguyễn Thị Kim	Anh	12A3	7.50	8.0	8.5	6.8	4.0	5.8
2	710012	Huỳnh Thị Ngọc	Ánh	12A3	8.25	7.8	6.3	7.5	6.5	6.4
3	710017	Đoàn Thị Ngọc	Bích	12A3	9.00	5.5	5.8	5.8	5.5	6.4
4	710035	Nguyễn Ngọc	Diệu	12A3	6.00	5.8	6.5	6.3	5.0	5.0
5	710046	Lê Xuân	Duy	12A3	9.25	9.8	8.8	7.8	5.0	7.0
6	710045	Phan	Duy	12A3	8.75	9.3	5.8	5.5	4.0	7.4
7	710054	Nguyễn Đăng Trà	Giang	12A3	8.25	7.3	9.0	7.8	5.0	5.8
8	710058	Ngô Thị Thu	Hà	12A3	7.00	6.3	8.0	7.0	5.5	5.6
9	710064	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	12A3	7.25	5.5	5.5	7.3	6.0	4.0
10	710076	Phạm Trung	Hiếu	12A3	8.50	8.3	7.3	6.3	6.0	4.0
11	710080	Ngô Đức	Hoàng	12A3	5.75	5.3	6.0	6.0	4.0	4.0
12	710092	Đào Thị Việt	Hương	12A3	6.50	7.0	6.5	7.3	6.5	5.2
13	710097	Đỗ Trung	Kỳ	12A3	9.25	7.3	6.8	4.5	5.0	4.8
14	710107	Trần Phạm Tố	Linh	12A3	8.50	8.8	9.0	9.5	5.5	6.4
15	710112	Đặng Mai	Long	12A3	7.50	5.0	6.0	6.0	3.5	4.0
16	710122	Nguyễn Thị Yên	Mai	12A3	7.75	6.0	6.3	8.0	6.5	6.0
17	710131	Hồ Thị Trà	My	12A3	7.25	9.0	8.5	8.8	6.5	8.6
18	710127	Trần Thị Diễm	My	12A3	7.25	5.5	4.0	6.5	7.0	5.0
19	710137	Lê Thị Kim	Ngân	12A3	8.25	6.3	7.5	6.8	7.0	6.8
20	710139	Nguyễn Thị Tố	Ngân	12A3	8.25	6.0	7.8	7.0	5.5	7.8
21	710136	Tô Kiều	Ngân	12A3	9.50	7.8	7.3	8.3	6.5	7.2
22	710152	Lê Hồ	Nguyễn	12A3	8.25	6.0	5.0	6.0	4.5	6.4
23	710153	Nguyễn Hoàng Minh	Nguyệt	12A3	9.00	8.0	8.3	7.3	5.0	6.0
24	710158	Phan Thị Mỹ	Nhung	12A3	9.25	8.8	8.8	7.0	5.0	5.4
25	710160	Đình Thị	Oanh	12A3	6.75	7.8	7.3	5.0	3.5	5.2
26	710166	Lê Bá	Phước	12A3	8.50	8.0	6.0	6.3	1.5	5.8
27	710170	Huỳnh Thị Kim	Phương	12A3	9.50	7.5	9.3	8.5	7.0	5.0
28	710177	Nguyễn Ngọc Đăng	Quang	12A3	7.00	5.5	4.0	6.3	4.0	5.2
29	710186	Nguyễn Đăng	Quyết	12A3	8.50	6.8	6.5	7.3	4.0	5.6
30	710189	Phạm Bá Hồng	Son	12A3	8.25	7.3	8.5	7.3	5.5	5.8
31	710197	Lê Thị Minh	Tâm	12A3	7.00	5.8	4.3	4.3	4.0	3.8
32	710199	Đỗ Duy	Tân	12A3	8.00	5.3	6.8	5.8	4.5	6.2
33	710218	Dư Thị Minh	Thi	12A3	7.50	6.5	6.0	7.3	4.5	2.8
34	710225	Trần Thị Vũ	Thuận	12A3	8.00	5.8	4.8	7.0	6.0	3.4
35	710226	Phạm Thị Diệu	Thùy	12A3	8.50	6.5	8.3	7.5	6.0	6.0
36	710258	Lê Thị Thu	Trang	12A3	9.25	8.0	7.8	7.8	6.5	5.0
37	710252	Nguyễn Thị Linh	Trang	12A3	7.00	6.3	9.0	6.3	8.0	4.8
38	710248	Võ Hồ Đài	Trang	12A3	9.00	8.5	7.5	6.8	6.5	6.4
39	710255	Võ Thị Quỳnh	Trang	12A3	9.00	7.3	8.0	7.3	5.5	6.6
40	710283	Trương Sinh	Tường	12A3	7.50	9.0	7.8	6.5	4.0	6.6
41	710286	Nguyễn Thị Bích	Vân	12A3	8.00	4.5	8.3	7.5	3.0	6.8
42	710290	Võ Quốc Trần	Việt	12A3	7.75	6.3	7.3	7.3	3.5	7.2
43	710299	Nguyễn Bảo	Yên	12A3	9.50	9.0	8.5	8.3	8.5	8.4
44	710302	Nguyễn Thị Hoàng	Yên	12A3	7.50	4.8	6.3	7.0	3.5	5.2
45	710303	Trần Thị Hoàng	Yên	12A3	5.75	5.8	8.3	6.5	4.5	7.2

ĐIỂM KSCL ĐẦU NĂM, NĂM HỌC 2009 - 2010

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A4										
STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	TOÁN	LÝ	HÓA	SINH	VĂN	A. VĂN
1	710014	Trần Quốc Thiên	Ân	12A4	9.25	9.8	8.3	8.5	6.0	8.4
2	710020	Lê Thị Hà	Châu	12A4	8.25	7.3	7.3	8.5	8.0	7.8
3	710022	Lưu Thị Kim	Chi	12A4	7.00	3.8	6.8	8.0	6.0	5.6
4	710036	Lê Thị Thanh	Diệu	12A4	6.00	8.0	4.5	6.5	6.5	4.8
5	710037	Nguyễn Thị Mỹ	Dung	12A4	7.00	8.3	7.0	7.5	8.0	4.8
6	710049	Võ Hoàng ánh	Dương	12A4	7.00	7.0	7.5	7.3	6.5	6.8
7	710063	Đậu Thị Thanh	Hào	12A4	8.75	6.8	8.0	8.5	6.0	6.0
8	710065	Đậu Thị Thu	Hằng	12A4	6.75	5.3	6.0	7.0	6.5	4.8
9	710072	Chu Đại	Hiệp	12A4	8.75	7.3	6.3	6.3	3.5	5.8
10	710081	Võ Minh	Hoàng	12A4	8.50	8.0	8.0	5.8	6.5	7.6
11	710083	Trần Ngọc	Hội	12A4	5.50	5.3	5.0	5.5	4.0	3.4
12	710098	Trần Mậu Xuân	Kỳ	12A4	5.75	7.3	7.8	7.5	6.0	5.0
13	710106	Nguyễn Thị Thùy	Linh	12A4	7.50	8.5	8.0	8.5	8.0	6.4
14	710110	Lê Hồ Hồng	Loan	12A4	7.50	6.3	8.3	7.5	6.5	6.0
15	710111	Nguyễn Thị Kim	Loan	12A4	6.00	6.8	3.5	5.5	4.0	4.6
16	710115	Trần Thị Bích	Lộc	12A4	6.00	4.5	5.5	6.5	6.5	6.8
17	710146	Lê Thị yến	Ngọc	12A4	8.25	7.5	8.3	6.8	6.0	5.0
18	710147	Võ Thị Ai	Nguyên	12A4	9.25	6.3	7.5	9.0	5.0	6.6
19	710157	Đào Thị Yến	Nhi	12A4	8.25	6.8	7.3	8.8	6.5	4.6
20	710155	Nguyễn Phương	Nhi	12A4	6.75	5.3	8.0	7.8	5.0	6.0
21	710161	Hà Tấn	Phát	12A4	7.25	9.3	9.0	7.8	2.5	7.6
22	710183	Hồ Nhựt	Quý	12A4	8.00	6.3	8.0	6.5	5.0	4.6
23	710185	Đặng Toàn	Quyền	12A4	6.75	6.8	7.3	7.3	6.0	6.6
24	710194	Đặng Thế	Tài	12A4	7.00	6.3	8.5	6.8	7.5	5.0
25	710205	Nguyễn Văn	Thành	12A4	7.50	7.8	9.3	8.5	6.0	6.8
26	710207	Huỳnh Thị Hồng	Thảo	12A4	8.75	9.3	8.5	8.3	6.0	6.8
27	710211	Phạm Thị Phương	Thảo	12A4	9.50	9.0	9.0	8.5	7.5	8.0
28	710216	Lê Hữu	Thắng	12A4	9.00	9.0	8.5	9.3	6.0	5.8
29	710219	Đoàn Vĩnh	Thiện	12A4	5.75	5.0	4.0	6.3	4.0	3.0
30	710224	Nguyễn Lê Hoài	Thu	12A4	7.75	7.8	9.3	9.0	4.5	6.4
31	710230	Nguyễn Thị Thanh	Thủy	12A4	8.00	7.3	7.5	6.8	4.5	4.0
32	710232	Đinh Thị	Thúy	12A4	8.25	7.0	6.5	7.8	8.0	5.2
33	710233	Trần Thị Thu	Thúy	12A4	5.75	5.3	7.0	5.3	8.0	5.4
34	710235	Phạm Nguyễn Toàn	Thư	12A4	8.75	9.3	7.0	6.8	3.5	7.2
35	710240	Phan Thị Thủy	Tiên	12A4	8.50	6.0	7.5	7.8	4.5	7.0
36	710242	Nguyễn Thị	Tín	12A4	5.00	4.3	5.5	7.0	7.5	4.8
37	710247	Nguyễn Ngọc	Trác	12A4	9.25	8.0	7.8	5.5	5.5	4.6
38	710263	Khương Huỳnh Huyền	Trâm	12A4	7.75	7.3	6.8	7.8	5.5	4.6
39	710264	Nguyễn Thị Ngọc	Trâm	12A4	8.50	7.8	7.5	6.5	6.0	7.0
40	710268	Tô Đức	Trọng	12A4	8.75	7.8	8.0	8.5	6.5	5.2
41	710279	Bùi Ngọc	Tuấn	12A4	9.00	9.3	8.5	9.3	6.5	6.0
42	710287	Trần Thị Mỹ	Vân	12A4	7.25	7.0	6.0	7.3	6.5	3.4
43	710295	Bùi Xuân	Vũ	12A4	8.75	6.0	7.8	5.5	4.0	6.0
44	710304	Nguyễn Thị	Yến	12A4	7.50	6.5	9.3	7.8	8.0	6.8

ĐIỂM KSCL ĐẦU NĂM, NĂM HỌC 2009 - 2010

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12A5										
STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	TOÁN	LÝ	HÓA	SINH	VĂN	A. VĂN
1	710006	Vũ Thị Ngọc	Anh	12A5	8.25	4.8	6.3	6.3	6.0	5.2
2	710018	Đình Hải	Biên	12A5	7.50	5.5	7.3	8.0	5.0	3.8
3	710024	Nguyễn Thị Linh	Chi	12A5	9.50	4.3	8.3	7.8	4.5	4.6
4	710026	Nguyễn Thị Quế	Chinh	12A5	6.50	6.3	6.0	7.5	5.0	4.8
5	710028	Trương Thị Kim	Cúc	12A5	8.75	5.8	3.0	7.0	4.5	4.4
6	710032	Hồ Trịnh Mạnh	Cường	12A5	8.50	7.8	9.0	7.5	5.0	5.6
7	710029	Nguyễn Chí	Cường	12A5	9.00	7.3	5.5	7.5	4.5	6.0
8	710034	Phạm Thị Kiều	Diễm	12A5	4.75	4.8	5.5	5.5	5.5	3.6
9	710038	Tạ Thị Ngọc	Dung	12A5	8.00	6.3	7.8	7.8	3.5	6.8
10	710044	Phạm Cao Ngọc	Duy	12A5	8.25	7.5	7.3	8.5	7.0	7.0
11	710055	Nguyễn Thị Ngọc	Hà	12A5	6.50	4.0	6.3	5.8	6.0	7.8
12	710059	Nguyễn Thu	Hà	12A5	4.25	5.5	6.0	5.0	7.0	5.0
13	710056	Trương Thị Thanh	Hà	12A5	6.75	6.8	4.5	6.5	7.0	5.8
14	710061	Đặng Thị Mỹ	Hạnh	12A5	5.25	4.8	6.3	6.8	6.5	4.0
15	710066	Nguyễn Thị Thu	Hằng	12A5	8.00	4.8	5.8	5.3	5.5	5.6
16	710069	Hồ Thị	Hậu	12A5	6.25	6.0	4.5	6.3	5.0	5.4
17	710070	Đông Nguyên Khánh	Hiền	12A5	7.50	5.0	8.3	8.3	7.5	6.6
18	710071	Nguyễn Thị Minh	Hiền	12A5	7.00	5.0	5.8	7.3	6.5	5.8
19	710075	Nguyễn Đức	Hiếu	12A5	3.75	3.8	5.5	5.5	3.0	4.0
20	710084	Trương Thị Ánh	Hồng	12A5	4.25	4.8	3.3	6.5	6.5	2.6
21	710088	Lê Việt	Huy	12A5	9.50	6.8	8.5	8.3	8.0	4.8
22	710090	Đỗ Hoàng	Hưng	12A5	6.75	5.0	8.5	6.3	6.0	5.2
23	710100	Trần Tiên	Lâm	12A5	5.00	4.5	5.5	6.0	5.0	4.8
24	710102	Trần Phương	Liên	12A5	7.75	6.8	5.8	6.5	7.0	3.2
25	710129	Phạm Huỳnh	My	12A5	8.75	6.8	7.5	8.8	6.0	7.2
26	710138	Vũ Thị Thùy	Ngân	12A5	6.50	5.8	6.8	7.0	5.0	6.2
27	710163	Lê Triệu	Phú	12A5	6.75	6.3	6.0	7.5	5.5	4.6
28	710169	Bùi Hữu	Phương	12A5	8.75	7.5	7.8	8.0	3.5	5.2
29	710167	Đặng Thị Anh	Phương	12A5	8.25	5.8	7.8	6.8	5.5	6.2
30	710193	Trần Anh	Tài	12A5	8.00	6.8	8.0	8.3	4.5	5.2
31	710202	Trương Châu	Thành	12A5	3.50	8.3	2.8	7.3	3.0	3.0
32	710210	Nguyễn Phương	Thảo	12A5	8.00	6.8	8.0	8.5	7.0	5.6
33	710229	Đỗ Trần Thanh	Thủy	12A5	7.00	5.8	6.0	6.8	5.5	5.0
34	710243	Lê Văn	Tịnh	12A5	9.75	9.8	7.0	5.3	4.5	6.0
35	710251	Trịnh Thị Huyền	Trang	12A5	9.25	8.3	9.3	8.3	7.0	7.4
36	710270	Phạm Thị Thanh	Trúc	12A5	9.00	8.0	8.0	7.8	4.5	5.8
37	710271	Vũ Thị Thủy	Trúc	12A5	7.00	5.5	7.5	5.8	5.0	5.2
38	710272	Đỗ Minh	Trung	12A5	9.00	6.0	7.0	6.5	5.5	3.4
39	710288	Lê Thị Thanh	Vân	12A5	8.50	5.0	7.8	7.8	5.0	5.4
40	710289	Trần Thị Yến	Vân	12A5	8.25	7.3	7.5	6.0	8.0	8.2
41	710293	Nguyễn Đình	Vũ	12A5	7.50	7.5	6.5	7.5	2.5	7.0
42	710292	Nguyễn Hoàng Anh	Vũ	12A5	7.75	8.0	8.8	7.3	6.0	7.0
43	710296	Nguyễn Đại	Vương	12A5	6.00	6.8	6.5	6.5	3.5	4.8

ĐIỂM KSCL ĐẦU NĂM, NĂM HỌC 2009 - 2010

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12B1										
STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	TOÁN	LÝ	HÓA	SINH	VĂN	A. VĂN
1	710367	Phan Thị Thúy	An	12B1	8.00	6.8	8.3	6.8	6.5	5.6
2	710369	Nguyễn Thị Vân	Anh	12B1	5.75	2.8	5.3	7.0	7.0	5.8
3	710370	Bùi Tiến	Chung	12B1	7.50	4.5	4.5	6.0	6.5	5.8
4	710371	Bùi Nguyên	Công	12B1	7.25	6.8	6.8	5.8	5.5	8.0
5	710372	Nguyễn Thị Thúy	Diễm	12B1	6.75	vắng	4.5	6.5	vắng	7.0
6	710373	Dương Thị Thùy	Dung	12B1	8.00	8.3	7.3	6.5	7.5	8.8
7	710375	Bùi Kiên	Đạt	12B1	8.50	8.0	8.5	8.5	6.5	6.4
8	710376	Chu Thành	Đạt	12B1	4.00	3.3	4.3	4.8	8.5	6.4
9	710378	Quách Hải	Hậu	12B1	8.25	8.0	9.0	7.0	7.0	8.4
10	710381	Phạm Minh	Hòa	12B1	7.00	4.8	6.3	6.8	6.0	6.8
11	710383	Lê Kim	Hoàng	12B1	8.00	6.8	3.5	4.0	6.0	7.8
12	710384	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	12B1	6.75	4.3	3.3	4.5	6.5	6.2
13	710385	Trần Ngọc Diệu	Hương	12B1	9.00	6.8	8.5	5.5	9.5	8.8
14	710389	Nguyễn Hoàng Mĩ	Linh	12B1	8.50	7.3	7.0	7.5	8.0	7.0
15	710393	Vũ Quỳnh	Mai	12B1	8.00	4.8	6.3	7.5	6.5	6.4
16	710399	Đỗ Thị Minh	Ngọc	12B1	6.50	3.0	6.3	7.0	4.5	5.2
17	710397	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	12B1	8.00	4.0	6.0	3.5	6.0	5.8
18	710400	Trịnh Thị	Ngọc	12B1	8.00	4.8	7.0	6.8	6.0	5.6
19	710398	Văn Thị Hồng	Ngọc	12B1	7.75	4.8	5.8	6.3	5.5	7.0
20	710401	Võ Thị Như	Nguyệt	12B1	5.50	3.3	5.5	7.0	4.5	6.0
21	710402	Nguyễn Xuân	Phú	12B1	8.75	6.3	7.5	6.8	8.5	8.2
22	710403	Bùi Thị Mỹ	Phương	12B1	6.50	4.0	6.3	6.5	5.0	7.2
23	710406	Huỳnh Tiểu	Thanh	12B1	8.00	6.3	6.0	6.8	6.5	5.0
24	710410	Hà Thị Thu	Thảo	12B1	6.00	3.5	7.3	6.0	6.5	7.8
25	710407	Lê Phương	Thảo	12B1	8.50	5.5	6.0	7.3	7.5	8.6
26	710409	Nguyễn Thị	Thảo	12B1	4.25	3.8	4.0	5.3	6.0	3.6
27	710411	Phan Thị Hồng	Thắm	12B1	8.25	8.0	9.0	6.3	7.0	5.6
28	710412	Trương Thị Út	Thơ	12B1	7.25	4.5	4.0	2.8	5.0	4.6
29	710413	Trần Thị Hương	Thu	12B1	9.00	7.3	8.8	8.5	9.5	8.2
30	710416	Nguyễn Đặng Tây	Trà	12B1	7.50	6.0	7.8	7.0	7.5	6.8
31	710417	Hoàng Thị Minh	Trang	12B1	4.25	4.3	5.3	5.3	4.0	7.6
32	710423	Lương Thị Việt	Trinh	12B1	4.50	5.0	2.8	5.3	4.5	4.4
33	710422	Vũ Ngọc	Trinh	12B1	3.50	4.5	5.3	5.3	3.5	7.0
34	710424	Hồ Thụy Tân	Uyên	12B1	4.50	4.3	4.5	4.5	5.5	3.8
35	710426	Nguyễn Thị Thanh	Vân	12B1	8.50	6.3	7.8	6.3	6.0	6.8
36	710427	Nguyễn Linh Phương	Vy	12B1	5.75	5.0	4.3	6.3	4.0	3.8
37	710428	Đình Hải	Yến	12B1	8.00	3.8	4.3	5.5	6.0	4.6

ĐIỂM KSCL ĐẦU NĂM, NĂM HỌC 2009 - 2010

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12B2										
STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	TOÁN	LÝ	HÓA	SINH	VĂN	A. VĂN
1	710306	Nguyễn Mai	Anh	12B2	8.00	4.5	5.8	7.5	7.0	4.2
2	710307	Trần Quốc	Anh	12B2	9.50	7.5	8.3	7.3	3.0	4.8
3	710308	Lê Thị Ngọc	Bích	12B2	8.00	6.3	7.0	7.8	5.0	5.4
4	710311	Phạm Thị Thùy	Dung	12B2	7.25	5.5	5.3	6.3	6.0	4.2
5	710315	Trần Thanh	Hải	12B2	2.50	3.3	3.3	4.0	3.0	2.4
6	710316	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	12B2	7.50	5.0	4.8	4.8	6.0	4.8
7	710319	Hoàng Thúy	Hằng	12B2	4.25	4.0	4.5	6.3	5.5	3.2
8	710320	Huỳnh Thị Sông	Hậu	12B2	8.50	5.5	7.5	6.5	6.5	4.2
9	710323	Hồ Thị Khánh	Hòa	12B2	8.00	6.0	6.8	6.5	6.5	6.2
10	710324	Trương Thị	Hồng	12B2	7.00	4.5	4.5	8.3	7.0	4.6
11	710327	Nguyễn Đăng	Khoa	12B2	6.25	3.5	5.0	5.5	6.5	6.6
12	710329	Đình Vĩnh Thiên	Kim	12B2	9.25	5.8	7.0	6.3	8.0	5.8
13	710331	Đào Thị Thái	Linh	12B2	6.75	6.0	5.0	6.0	6.0	4.8
14	710330	Tăng Diệu	Linh	12B2	9.25	7.5	7.3	7.5	5.5	6.4
15	710334	Hoàng Hải	Ly	12B2	6.25	4.5	7.3	7.3	4.5	5.2
16	710335	Võ Hoàng	Minh	12B2	9.25	8.8	7.5	8.0	5.5	6.8
17	710336	Lê Trọng Thảo	My	12B2	8.00	4.5	7.5	6.5	5.0	5.0
18	710337	Trịnh Thị Quỳnh	Nga	12B2	6.25	5.3	9.0	7.5	4.5	6.6
19	710339	Khuất Thị Lan	Nhi	12B2	8.75	5.8	7.0	6.5	4.5	4.0
20	710341	Nguyễn Thị Hồng	Phước	12B2	6.75	5.5	4.5	5.5	6.5	5.0
21	710342	Tăng Diệu	Phương	12B2	8.50	8.8	9.3	6.5	7.0	7.6
22	710345	Nguyễn Đoàn Thanh	Quyên	12B2	7.25	4.0	7.3	4.8	4.0	6.2
23	710344	Phạm Đăng Nhật	Quyên	12B2	7.50	8.3	8.3	6.3	6.0	6.2
24	710349	Mai Nam	Son	12B2	7.00	5.8	5.3	6.8	5.5	3.6
25	710350	Nguyễn Nhật Đan	Thanh	12B2	8.50	4.3	5.3	6.8	4.0	5.4
26	710355	Nguyễn Thị Thương	Thương	12B2	6.25	6.5	6.8	5.5	9.0	4.6
27	710354	Từ Hoài	Thương	12B2	8.50	5.3	8.0	7.0	6.5	4.6
28	710356	Nguyễn Ngọc	Thường	12B2	7.50	6.8	8.3	6.8	4.5	5.0
29	710357	Huỳnh Minh	Tiến	12B2	2.50	3.5	4.0	5.8	3.5	4.0
30	710359	Nguyễn Thị Huyền	Trang	12B2	7.25	4.3	6.5	6.0	7.0	6.4
31	710360	Tô Thị Huyền	Trang	12B2	7.75	5.8	5.0	5.8	7.0	3.0
32	710363	Nguyễn Chí	Trung	12B2	8.00	8.0	9.0	6.5	5.5	3.4
33	710364	Nguyễn Anh	Tuấn	12B2	4.75	5.3	3.8	4.3	6.5	3.8

ĐIỂM KSCL ĐẦU NĂM, NĂM HỌC 2009 - 2010

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12B3										
STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	TOÁN	LÝ	HÓA	SINH	VĂN	A. VĂN
1	710305	Phan Thị Kiều	Anh	12B3	7.25	7.8	7.8	6.5	7.0	7.0
2	710309	Nguyễn Thị Ngọc	Châu	12B3	7.00	8.0	8.5	6.3	8.0	6.6
3	710310	Phạm Thị Thúy	Diễm	12B3	5.50	6.3	6.0	7.8	8.0	7.0
4	710312	Nguyễn Bích	Duyên	12B3	5.75	5.5	6.5	5.5	4.5	4.0
5	710313	Nguyễn Trần Quỳnh	Giao	12B3	8.50	vắng	9.5	6.3	vắng	7.0
6	710314	Trần Thị Khánh	Hà	12B3	5.75	6.0	7.5	6.0	7.5	6.6
7	710317	Trương Thị Mỹ	Hạnh	12B3	7.00	5.8	6.5	7.0	6.0	4.4
8	710318	Đỗ Trần Thu	Hằng	12B3	5.50	3.0	3.3	5.3	2.0	2.2
9	710321	Nguyễn Thị Thu	Hiếu	12B3	7.75	6.0	7.5	6.3	7.5	6.2
10	710322	Nguyễn Thị Ngọc	Hoa	12B3	7.50	5.5	7.5	6.3	6.0	4.8
11	710326	Lê Thị	Huyền	12B3	8.50	8.0	9.3	8.5	6.5	6.0
12	710325	Trịnh Hoàng Thanh	Huyền	12B3	vắng	5.3	vắng	vắng	5.5	vắng
13	710328	Nguyễn Thị Minh	Khuê	12B3	7.00	5.3	6.5	8.0	7.0	6.0
14	710332	Nguyễn Thị	Linh	12B3	6.00	7.8	8.3	6.5	6.5	7.0
15	710333	Huỳnh Văn	Long	12B3	6.50	3.8	4.0	3.8	4.0	4.2
16	710338	Bùi Thị Khánh	Ngân	12B3	8.50	8.3	8.3	6.3	8.0	7.0
17	710340	Nguyễn Hoàng Vân	Nhi	12B3	7.00	5.5	5.3	6.5	7.0	6.8
18	710343	Lê Thị Hồng	Quyên	12B3	8.75	8.0	8.5	6.3	7.5	8.2
19	710346	Lê Thị Thảo	Quyên	12B3	9.75	7.0	8.0	6.0	8.0	6.6
20	710347	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	12B3	7.25	5.8	7.5	7.5	5.5	6.6
21	710348	Nguyễn Thị	Song	12B3	8.75	7.0	7.0	6.5	8.0	6.0
22	710351	Võ Thị Mai	Thơ	12B3	7.25	5.8	6.5	4.5	6.0	6.6
23	710352	Nguyễn Hà	Thu	12B3	7.75	4.3	7.3	6.8	8.0	4.2
24	710353	Bùi Thị Hiếu	Thùy	12B3	8.25	5.5	7.8	8.8	7.0	5.6
25	710358	Nguyễn Thị Đài	Trang	12B3	7.75	7.0	6.8	6.5	8.0	5.8
26	710361	Võ Thị Thành	Trâm	12B3	6.75	5.5	5.0	5.5	7.0	4.2
27	710362	Nguyễn Ngọc Mỹ	Trinh	12B3	7.25	6.8	7.0	7.3	7.5	5.2
28	710365	Thái Thị Bích	Tuyền	12B3	7.75	6.8	7.0	6.3	8.0	4.8
29	710366	Phạm Tú	Uyên	12B3	7.25	5.5	5.0	5.0	6.0	4.4

ĐIỂM KSCL ĐẦU NĂM, NĂM HỌC 2009 - 2010

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C1										
STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	TOÁN	LÝ	HÓA	SINH	VĂN	A. VĂN
1	710429	Trần Thị Huyền	Anh	12C1	5.75	5.0	4.0	5.8	8.5	4.6
2	710430	Trần Thị Kiều	Anh	12C1	8.25	5.8	7.0	7.3	8.5	7.4
3	710431	Trần Thị Ngọc	Ánh	12C1	9.25	5.5	7.5	5.5	8.0	6.2
4	710432	Huỳnh Thị Kiều	Diễm	12C1	8.00	4.5	5.3	6.5	8.0	7.6
5	710433	Nguyễn Thị Ngọc	Diễm	12C1	9.25	5.3	3.5	7.0	9.0	4.6
6	710434	Trần Thị Thùy	Dung	12C1	9.25	3.5	4.5	7.0	8.5	3.2
7	710435	Hoàng Thị Hồng	Duyên	12C1	9.50	6.8	6.0	6.8	8.5	6.4
8	710436	Nguyễn Trung	Dương	12C1	8.75	4.0	6.0	8.3	9.5	5.0
9	710437	Nguyễn Ngọc Thảo	Hiền	12C1	9.50	5.5	7.8	7.5	9.0	7.2
10	710438	Đỗ Nguyễn Thị	Huệ	12C1	8.50	4.0	7.8	7.0	8.5	3.4
11	710440	Đoàn Huỳnh Diệu	Hương	12C1	9.00	7.0	6.8	8.5	9.0	7.8
12	710439	Trần Thị Diễm	Hương	12C1	7.50	6.0	5.8	7.3	8.0	5.8
13	710441	Trần Thị	Lệ	12C1	9.00	4.0	3.8	6.8	8.0	6.0
14	710442	Trần Thùy	Linh	12C1	9.50	5.3	6.0	6.3	9.5	4.8
15	710443	Nguyễn Thị Bích	Loan	12C1	9.25	6.3	7.8	7.5	7.5	5.6
16	710444	Nguyễn Thị Thanh	Loan	12C1	8.25	4.5	6.3	7.0	8.0	6.4
17	710446	Hoàng Thị Ngọc	Phượng	12C1	8.00	5.0	4.3	6.0	8.5	4.4
18	710445	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	12C1	9.50	5.5	5.3	6.5	8.0	7.2
19	710447	Đỗ Thị Thanh	Quý	12C1	9.50	5.3	7.0	7.0	8.5	7.4
20	710448	Lữ Thị Như	Quỳnh	12C1	9.25	3.0	5.8	6.3	8.5	6.6
21	710449	Nguyễn Thị Phương	Thảo	12C1	9.25	7.0	7.5	6.5	8.5	5.4
22	710450	Đỗ Mạnh Thiên	Thương	12C1	7.50	4.8	5.3	6.5	8.0	5.2
23	710451	Nguyễn Thị Bích	Trâm	12C1	8.75	4.5	5.0	5.5	8.0	5.4
24	710452	Phạm Thị Bích	Trâm	12C1	4.75	5.0	4.3	4.5	8.0	4.2
25	710453	Nguyễn Nữ Tú	Trinh	12C1	9.00	4.8	5.3	7.3	9.0	6.2

ĐIỂM KSCL ĐẦU NĂM, NĂM HỌC 2009 - 2010

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C2										
STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	TOÁN	LÝ	HÓA	SINH	VĂN	A. VĂN
1	710368	Hoàng Thị Ngọc	Anh	12C2	6.25	6.0	6.0	6.5	7.0	8.2
2	710374	Phạm Đăng Âu	Dương	12C2	7.00	7.0	8.0	7.3	7.0	8.0
3	710377	Nguyễn Hải	Hà	12C2	9.50	9.5	9.3	8.5	7.5	8.2
4	710379	Cao Thị Thanh	Hiên	12C2	8.25	6.8	8.5	8.5	6.5	8.8
5	710380	Nguyễn Thu	Hiên	12C2	7.25	7.8	8.3	7.0	5.5	8.6
6	710382	Nguyễn Thị Thu	Hoài	12C2	9.00	9.3	8.5	8.0	8.0	8.4
7	710386	Trần Tuấn	Kiệt	12C2	7.25	6.8	9.0	7.0	4.5	9.0
8	710387	Võ Thị Mỹ	Kim	12C2	7.25	7.8	8.3	7.0	5.5	6.8
9	710388	Nguyễn Thị Vân	Lam	12C2	5.25	6.8	7.5	5.5	5.0	8.2
10	710390	Trương Thùy	Linh	12C2	6.25	5.5	6.8	6.0	5.5	7.6
11	710391	Nguyễn Thị ái	Ly	12C2	9.25	8.5	9.5	7.5	7.0	8.2
12	710392	Trần Hoàng Khánh	Mai	12C2	8.25	7.0	7.8	8.0	8.0	8.4
13	710395	Lê Thị	Nga	12C2	7.00	7.5	8.3	7.3	7.5	8.2
14	710394	Nguyễn Thị Kiều	Nga	12C2	9.00	5.0	5.0	6.5	6.5	8.4
15	710396	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	12C2	8.00	7.0	8.3	7.8	9.0	7.4
16	710404	Hồ Thị Đỗ	Quyên	12C2	5.00	4.5	6.0	4.8	8.0	5.6
17	710405	Dương Thị	Thanh	12C2	9.50	9.3	9.3	8.5	8.5	9.2
18	710408	Lưu Vũ Phương	Thảo	12C2	7.75	7.5	8.8	8.3	8.0	9.2
19	710414	Phạm Thị Thu	Thùy	12C2	8.25	7.3	8.8	6.8	8.5	7.4
20	710415	Trần Thị Anh	Thư	12C2	6.50	5.0	8.0	5.5	6.0	8.4
21	710419	Lê Thị Thùy	Trang	12C2	8.50	8.5	9.0	6.5	7.5	7.4
22	710418	Nguyễn Minh	Trang	12C2	6.25	7.0	8.3	6.0	6.5	8.6
23	710420	Trương Thị Vân	Trang	12C2	6.75	8.5	8.5	8.3	7.0	8.4
24	710421	Đình Ngọc Huyền	Trâm	12C2	7.00	7.3	5.3	6.8	5.5	10.0
25	710425	Trần Thị Hồng	Vân	12C2	6.25	6.8	6.5	6.8	7.5	8.4

ĐIỂM KSCL ĐẦU NĂM, NĂM HỌC 2009 - 2010

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C3										
STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	TOÁN	LÝ	HÓA	SINH	VĂN	A. VĂN
1	710007	Đỗ Quỳnh	Anh	12C3	9.50	9.0	9.3	8.5	7.5	7.0
2	710009	Văn Tiến	Anh	12C3	9.00	8.5	8.8	9.0	6.5	5.8
3	710086	Thái Doãn	Hùng	12C3	8.75	8.5	8.8	7.8	5.0	5.6
4	710095	Trần Quốc	Khôi	12C3	9.50	8.5	9.0	7.3	7.0	6.6
5	710116	Cao Thị Hoàng	Lý	12C3	8.00	7.3	8.5	8.3	8.0	7.8
6	710119	Nguyễn Thị Tân	Mai	12C3	8.50	8.8	9.0	8.5	7.0	5.4
7	710125	Nguyễn Vũ Quang	Minh	12C3	8.25	9.0	8.8	7.8	5.5	4.6
8	710130	Lê Thị Kiều	My	12C3	8.00	8.0	8.8	9.0	7.5	7.4
9	710135	Trần Thị Ánh	Ngân	12C3	9.50	9.8	10.0	9.8	7.5	8.4
10	710151	Nguyễn Thành	Nguyên	12C3	9.50	9.0	9.3	8.3	5.5	6.2
11	710159	Phạm Thị Phương	Nhung	12C3	9.50	8.5	7.8	7.8	7.5	8.0
12	710179	Hàn Đạo	Quân	12C3	7.50	5.0	7.0	7.0	4.0	6.0
13	710182	Nguyễn Trần	Quân	12C3	9.25	7.8	9.0	8.5	8.0	8.8
14	710195	Lưu Thiện	Tài	12C3	9.00	7.0	6.5	6.8	5.5	2.2
15	710206	Hồ Ngọc	Thạnh	12C3	9.00	8.3	8.5	9.8	5.0	6.6
16	710217	Phạm Thị Anh	Thi	12C3	9.50	7.3	6.8	8.3	6.5	6.6
17	710234	Trần Thị Anh	Thư	12C3	9.50	9.8	8.3	9.3	9.0	9.0
18	710236	Huỳnh Thị Hoài	Thương	12C3	9.50	9.5	9.5	9.0	7.0	7.6
19	710238	Võ Hoàng Cảnh	Tiên	12C3	9.50	6.5	6.0	7.3	6.0	5.0
20	710244	Phan Anh	Toàn	12C3	8.00	9.5	9.3	8.0	6.0	8.0
21	710259	Dương Vũ Thùy	Trang	12C3	9.50	9.5	9.0	8.0	8.0	7.8
22	710260	Vũ Thị Thùy	Trang	12C3	9.75	9.0	9.0	8.5	6.5	8.0
23	710267	Nguyễn	Trí	12C3	9.00	9.3	7.5	9.0	5.0	5.8
24	710284	Trần Thị Phương	Uyên	12C3	8.75	8.8	9.3	9.3	8.0	8.2
25	710301	Từ Thị Lê Hải	Yên	12C3	7.75	9.3	9.0	9.8	7.5	7.8

ĐIỂM KSCL ĐẦU NĂM, NĂM HỌC 2009 - 2010

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C4										
STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	TOÁN	LÝ	HÓA	SINH	VĂN	A. VĂN
1	710027	Nguyễn Bá Thành	Công	12C4	7.50	8.5	7.5	7.3	4.0	3.8
2	710030	Nguyễn Hùng	Cường	12C4	7.75	8.3	8.8	8.3	6.0	6.2
3	710077	Nguyễn Văn	Hiếu	12C4	9.25	7.3	6.5	6.5	3.5	4.4
4	710091	Nguyễn Thị Mỹ	Hưng	12C4	8.75	8.8	8.0	8.3	7.5	4.8
5	710101	Đỗ Thu	Lệ	12C4	8.25	9.5	9.8	9.3	8.0	7.8
6	710128	Huỳnh Diệu	My	12C4	5.50	9.0	7.3	8.8	7.0	6.4
7	710145	Phạm Nhất	Ngọc	12C4	9.50	8.5	8.8	9.3	7.0	6.0
8	710171	Hoàng Thị Thảo	Phương	12C4	8.25	9.0	8.3	9.0	7.0	7.4
9	710173	Nguyễn Thị Hồng	Phượng	12C4	7.25	8.3	7.3	8.8	6.5	5.2
10	710192	Trần	Sỹ	12C4	9.25	8.0	8.0	9.5	8.0	6.2
11	710196	Trần Đức	Tâm	12C4	9.50	8.0	7.5	8.3	7.5	3.2
12	710222	Tạ Quang	Thịnh	12C4	9.25	8.8	8.3	8.0	4.0	5.4
13	710237	Võ Thị	Thương	12C4	7.25	9.3	8.8	8.8	6.0	8.4
14	710262	Trần Thị Bích	Trâm	12C4	8.75	8.5	8.5	8.0	7.0	7.4
15	710269	Lê Thanh	Trúc	12C4	8.50	9.5	7.5	6.8	5.0	6.2
16	710273	Nguyễn Văn	Trung	12C4	6.75	8.8	6.0	7.5	6.0	3.8
17	710278	Nguyễn Minh	Tuấn	12C4	7.75	9.0	7.3	9.3	7.5	6.2

ĐIỂM KSCL ĐẦU NĂM, NĂM HỌC 2009 - 2010

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C5										
STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	TOÁN	LÝ	HÓA	SINH	VĂN	A. VĂN
1	710011	Trần Tuấn	Anh	12C5	8.75	9.0	9.8	8.0	5.0	5.6
2	710013	Nguyễn Ngọc	Ánh	12C5	7.75	7.5	8.3	7.5	7.0	8.8
3	710016	Chu Ngọc	Bảo	12C5	8.75	6.8	6.8	6.5	5.0	4.8
4	710019	Đoàn Siêu	Cao	12C5	8.75	7.5	9.5	8.8	6.5	5.4
5	710040	Hoàng Anh	Dũng	12C5	8.75	8.8	9.0	7.0	6.0	4.4
6	710051	Vũ Quốc	Đạt	12C5	8.25	8.0	9.0	6.8	4.0	7.0
7	710062	Ngô Thị Mỹ	Hạnh	12C5	8.75	9.3	9.3	9.3	7.0	6.0
8	710078	Phan Thị Hải	Hòa	12C5	7.00	8.5	8.8	9.8	7.0	7.2
9	710099	Hoàng Như	Lam	12C5	7.00	8.5	8.3	7.5	9.0	7.6
10	710124	Hoàng Nguyễn	Minh	12C5	4.25	7.5	8.3	6.3	6.5	4.2
11	710123	Nguyễn Anh	Minh	12C5	6.00	4.3	8.0	9.5	4.5	6.6
12	710134	Đào Thị	Nga	12C5	8.50	8.8	8.3	7.3	4.0	5.8
13	710156	Nguyễn Phước Thiều	Nhi	12C5	9.75	9.8	9.3	8.5	8.0	6.8
14	710175	Nguyễn Nhật	Phượng	12C5	5.25	7.5	8.3	5.3	4.5	6.4
15	710178	Lê Huỳnh	Quang	12C5	7.00	8.0	7.8	7.8	5.5	10.0
16	710181	Trần Minh	Quân	12C5	8.75	7.8	9.3	6.8	6.0	6.2
17	710184	Võ Thị Lệ	Quyên	12C5	8.00	8.3	9.5	9.0	8.0	6.4
18	710200	Lê Đức	Tân	12C5	6.50	6.8	8.3	6.8	5.0	3.2
19	710204	Lê Trần Minh	Thành	12C5	9.50	9.3	9.5	8.3	5.0	8.0
20	710231	Nguyễn Thị Thu	Thùy	12C5	8.50	5.3	8.8	9.3	5.5	6.8
21	710245	Trương Hữu	Toàn	12C5	6.75	5.8	8.8	7.8	4.0	5.2
22	710250	Lê Huyền	Trang	12C5	9.50	8.0	8.5	8.3	6.5	6.8
23	710249	Nguyễn Thị Huệ	Trang	12C5	8.50	8.0	8.3	7.3	7.5	5.2
24	710277	Nguyễn Phú	Tuân	12C5	8.75	9.0	8.3	9.3	4.5	5.6
25	710282	Lê Trọng	Tư	12C5	8.25	8.3	9.3	7.3	5.0	6.0

ĐIỂM KSCL ĐẦU NĂM, NĂM HỌC 2009 - 2010

DANH SÁCH HỌC SINH LỚP 12C6										
STT	SBD	HỌ VÀ TÊN		LỚP	TOÁN	LÝ	HÓA	SINH	VĂN	A. VĂN
1	710001	Nguyễn Quỳnh	Thục An	12C6	9.50	8.8	9.3	8.5	4.5	5.8
2	710023	Nguyễn Thị	Kim Chi	12C6	7.30	5.5	5.5	8.0	4.5	4.0
3	710031	Đặng Hữu	Cường	12C6	6.50	7.3	6.5	7.8	5.0	3.6
4	710048	Đặng Thùy	Duyên	12C6	8.25	7.8	8.5	9.5	4.0	7.0
5	710105	Nguyễn Thùy	Linh	12C6	8.00	6.5	8.8	8.5	5.0	5.4
6	710133	Phan Thanh	Nga	12C6	9.25	7.5	8.5	8.0	5.5	2.6
7	710144	Huỳnh Diệp	Mỹ Ngọc	12C6	9.75	9.5	9.3	9.8	4.0	6.8
8	710149	Lê Đỗ Phương	Nguyên	12C6	8.25	8.8	8.3	8.3	5.0	4.4
9	710162	Phan Trường	Phi	12C6	8.25	8.0	7.3	8.5	4.5	4.0
10	710165	Nguyễn Thị	Vĩnh Phúc	12C6	6.50	7.8	8.5	9.5	5.5	4.2
11	710191	Nguyễn Tiến	Sỹ	12C6	6.00	6.5	7.5	8.5	5.5	6.0
12	710228	Lê Thị Hồng	Thủy	12C6	8.50	8.5	8.0	9.8	6.5	8.2
13	710300	Đoàn Thị	Hải Yên	12C6	8.00	8.3	9.0	9.5	6.0	5.8